

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được thay thế, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4357<sup>a</sup>/QĐ-BNN-TCLN ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-BNN-TCLN ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế về lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1303/QĐ-BNN-TCLN ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 77/TTr-SNN ngày 26 tháng 5 năm 2022.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này:

- Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được thay thế, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.





- Quy trình nội bộ thủ tục hành chính cấp tỉnh mới ban hành; được thay thế; sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp thực hiện tại một cửa điện tử, đã được rà soát cắt giảm 20% thời gian giải quyết so với quy định.

**Điều 2.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 13/5/20219 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ, thay thế lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:


- Tại số II.8 mục A phần I ban hành kèm theo Quyết định số 674/QĐ-UBND quy định: “Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp” sửa thành “Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp”.

- Tại số II.14 mục A phần I ban hành kèm theo Quyết định số 674/QĐ-UBND có ghi: “Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm” sửa thành “Nghị định số 84/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loại động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp”.

2. Các nội dung khác ngoài quy định tại Quyết định này thực hiện theo các Quyết định đã được UBND tỉnh công bố.

Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật vào cơ sở dữ liệu Công Dịch vụ công tỉnh và niêm yết, công khai tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công; UBND các huyện, thành phố niêm yết, công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / 

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC, NC(La).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Chiến**



Handwritten marks or numbers in the top right corner.



**Phụ lục 01**

**Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh mới ban hành; sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 983 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**1. Danh mục TTHC mới ban hành**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	Phân loại doanh nghiệp chế biến gỗ và xuất khẩu	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm	

**2. Danh mục TTHC được thay thế**

Stt	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	Công nhận nguồn giống lâm nghiệp	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thay thế thủ tục hành chính số II.8 mục A phần I (thủ tục hành chính cấp tỉnh) ban hành kèm theo Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông

**3. Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài	Nghị định số 84/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm	Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số II.14 mục A phần I (thủ tục hành chính cấp tỉnh) ban hành kèm theo



Stt	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
	động rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm	Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp			Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 13/5/20219 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông



## Phụ lục 02

**Chi tiết thủ tục hành chính cấp tỉnh mới ban hành; được thay thế; sửa đổi; bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Stt	Tên/Mã TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Yêu cầu, điều kiện thực hiện (nếu có); Căn cứ pháp lý
1	<b>3.000160</b> Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	<p><b>1. Thành phần hồ sơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 bản chính Đề nghị phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 01 kèm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> <li>- 01 bản chính Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mẫu số 08 Phụ lục I kèm theo Nghị định 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.</li> <li>- 01 bản photo hoặc bản chụp Tài liệu chứng minh tuân thủ tiêu chí phân loại doanh nghiệp theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT</li> </ul>	<p><b>1. Trình tự thực hiện</b> <b>Bước 1:</b> Nộp hồ sơ</p> <p>Doanh nghiệp đăng ký phân loại thực hiện nộp hồ sơ bằng một trong hai hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh nghiệp truy cập vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử <a href="http://www.kiemlam.org.vn">www.kiemlam.org.vn</a> để đăng ký theo hướng dẫn của Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp.</li> <li>- Trường hợp doanh nghiệp không ứng dụng được Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp thì gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông (TTHCC) theo địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến. (<a href="http://dichvucong.daknong.gov.vn">http://dichvucong.daknong.gov.vn</a>);</li> <li>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).</li> <li>- Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo Mẫu).</li> <li>- Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn</li> </ul>	Không	<p><b>1.Căn cứ pháp lý:</b> Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ, quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ; Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.</p> <p><b>2. Điều kiện thực hiện TTHC:</b> Không</p>

Stt	Tên/Mã TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Yêu cầu, điều kiện thực hiện (nếu có); Căn cứ pháp lý
		<p>ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- 01 Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đóng dấu theo theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.</p> <p>(Trường hợp đăng ký trực tuyến, doanh nghiệp đăng nhập vào Hệ thống phân loại doanh nghiệp kê khai thông tin theo hướng dẫn và scan, đính kèm tài liệu lên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp làm căn cứ chứng minh tuân thủ tiêu chí: đối với Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản, doanh nghiệp chốt số liệu, ký, đóng dấu điện tử).</p> <p><b>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</b></p>	<p>thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu).</p> <p>- Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu).</p> <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Thanh tra, pháp chế).</p> <p><b>Bước 2:</b> Tiếp nhận, phân loại và xác minh thông tin</p> <p>Sau khi nhận được hồ sơ, trong thời gian 01 ngày Chi cục Kiểm lâm (Phòng Thanh tra, pháp chế) có trách nhiệm nhập thông tin vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp; thông báo đến doanh nghiệp kết quả tiếp nhận đăng ký phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>Trường hợp có nghi ngờ những thông tin do doanh nghiệp tự kê khai, cần xác minh làm rõ; trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả phân loại của Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Thanh tra, pháp chế) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông</p>		



Stt	Tên/Mã TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Yêu cầu, điều kiện thực hiện (nếu có); Căn cứ pháp lý
		<p><b>3. Mẫu đơn, tờ khai:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> <li>- Tài liệu chứng minh tuân thủ tiêu chí phân loại doanh nghiệp theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> <li>- Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mẫu số 08 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ.</li> <li>- Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-</li> </ul>	<p><b>Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết</b></p> <p>ngành và Phát triển nông thôn.</p> <p>Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Thanh tra, pháp chế) phối hợp với cơ quan có liên quan tổ chức xác minh làm rõ tính chính xác của thông tin kê khai của doanh nghiệp; lập Biên bản xác minh theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và thông báo kết quả xác minh cho doanh nghiệp đó biết.</p> <p><b>Bước 3:</b> Xếp loại doanh nghiệp</p> <p>Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp được Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp tự động phân loại hoặc kể từ ngày kết thúc xác minh thông tin kê khai; nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Thanh tra, pháp chế) xếp loại doanh nghiệp đó vào doanh nghiệp Nhóm I trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp và gửi thông báo kết quả về Trung tâm Phục vụ Hành chính công</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí là doanh nghiệp Nhóm I, phải thông báo và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết.</p> <p><b>Bước 4:</b> Thông báo kết quả phân loại cho doanh nghiệp</p> <p>Sau khi nhận được kết quả từ Chi cục Kiểm lâm, TTHCC có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau:</p>		

Stt	Tên/Mã TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Yêu cầu, điều kiện thực hiện (nếu có); Căn cứ pháp lý
2	<p>Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp</p> <p><b>3.000198</b></p>	<p>BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p><b>1. Thành phần hồ sơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT (bản chính);</li> <li>- Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành</li> </ul> <p><b>1. Trình tự thực hiện:</b></p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp 01 hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông (TTHCC) theo địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến (<a href="http://dichvucong.daknong.gov.vn">http://dichvucong.daknong.gov.vn</a>);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).</li> </ul>	<p>- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống</p> <p>- Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn</p>	<p><b>1. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</b> Không.</p> <p><b>2. Căn cứ pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.</li> <li>- Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.</li> </ul>
			<p><b>2. Thời hạn giải quyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp không phải xác minh: 06 ngày làm việc</li> <li>- Trường hợp phải xác minh: 11 ngày làm việc</li> </ul> <p><b>3. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b></p> <p>Chi cục Kiểm lâm.</p>		

Stt	Tên/Mã TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Yêu cầu, điều kiện thực hiện (nếu có); Căn cứ pháp lý
		<p>kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT (bán chính). Kèm theo tài liệu minh chứng nguồn gốc vật liệu giống để xây dựng nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (trừ nguồn giống là cây tọt chọn từ cây phân tán và nguồn giống có nguồn gốc từ rừng tự nhiên).</p> <p><b>2. Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ</p> <p><b>3. Tên mẫu đơn, từ khai:</b> - Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT;</p> <p>- Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT.</p>	<p>- Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).</p> <p>- Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu).</p> <p>- Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu).</p> <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng).</p> <p><b>Bước 2.</b> Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện bước 3.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p><b>Bước 3.</b> Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ,</p>	giống	<p>- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.</p>

Stt	Tên/Mã TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Yêu cầu, điều kiện thực hiện (nếu có); Căn cứ pháp lý
			<p>Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng) tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành lập Hội đồng thẩm định;</li> <li>- Tổ chức thẩm định;</li> <li>- Kiểm tra hiện trường;</li> <li>- Lập biên bản thẩm định;</li> <li>- Báo cáo thẩm định</li> </ul> <p>Thời gian: 12 ngày làm việc.</p> <p><b>Bước 4.</b> Sau khi nhận được Biên bản thẩm định và báo cáo thẩm định, Chi cục Trưởng Chi cục Kiểm lâm Đắk Nông quyết định công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 06 Phụ lục III và Mục B Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp. .</p> <p>Thời gian: 2,5 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp không công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp, thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Kết quả chuyển về Trung tâm Phục vụ Hành chính công.</p> <p><b>Bước 5.</b> Trung tâm Phục vụ Hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung</li> </ul>		

Stt	Tên/Mã TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Yêu cầu, điều kiện thực hiện (nếu có); Căn cứ pháp lý
			<p>tâm Phục vụ Hành chính công.</p> <p>- Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả).</p> <p><b>2. Thời hạn giải quyết:</b> 17 ngày làm việc. Trong đó:</p> <p>- Trung tâm Phục vụ Hành chính công: 0,5 ngày làm việc;</p> <p>- Chi cục Kiểm lâm: 16,5 ngày làm việc;</p> <p><b>3. Đối tượng thực hiện:</b> Tổ chức, cá nhân.</p> <p><b>4. Cơ quan thực hiện:</b> Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông</p> <p><b>5. Kết quả thực hiện:</b> Quyết định công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp</p>		
3	<p><b>1.004815</b></p> <p>Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục</p>	<p><b>1. Thành phần hồ sơ</b></p> <p>- Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng theo mẫu số 03 quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ;</p> <p>- Bản chính Phương án nuôi theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ (đối với động vật);</p> <p>- Bản chính phương án</p>	<p><b>1. Trình tự thực hiện:</b></p> <p><b>Bước 1.</b> Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ (đối với trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thực vật rừng, động vật rừng Nhóm II và các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục II, III CITES không phải loài thú y sản) trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Phục vụ Hành chính công Trung tâm tỉnh Đắk Nông (TTHCC) theo địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến (<a href="http://dichvucong.daknong.gov.vn">http://dichvucong.daknong.gov.vn</a>);</p> <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày</p>	Không	<p><b>1. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b></p> <p>1.1. Điều kiện nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES không vì mục đích thương mại:</p> <p>- Có phương án nuôi, trồng theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ; Mẫu số 05 và Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.</p> <p>- Cơ sở nuôi, trồng phù hợp với đặc tính sinh trưởng của loài được nuôi,</p>

Stt	Tên/Mã TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Yêu cầu, điều kiện thực hiện (nếu có); Căn cứ pháp lý
	II và III CITES	<p>trồng theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ (đối với thực vật).</p> <p><b>2. Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ</p> <p><b>3. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</b> Có</p> <p>- Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng theo mẫu số 03 quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ;</p> <p>- Bản chính Phương án nuôi theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ (đối với động vật);</p> <p>+ Bản chính phương án trồng theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ (đối với thực vật);</p>	<p>nghe lễ, xét theo quy định).</p> <p>- Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).</p> <p>- Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu).</p> <p>- Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu).</p> <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý BVR&amp;BTNN).</p> <p><b>Bước 2.</b> Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý BVR&amp;BTNN) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước 3.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý BVR&amp;BTNN) thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông.</p> <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTHCC thông báo cho tổ chức, cá</p>		<p>trồng; đảm bảo an toàn cho người và vật nuôi, trồng, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh.</p> <p>- Đảm bảo nguồn giống hợp pháp: Khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tích thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi, trồng hợp pháp khác.</p> <p>- Trong quá trình nuôi, trồng phải lập sổ theo dõi nuôi, trồng theo Mẫu số 16, Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ; định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản, về lâm nghiệp, về môi trường cấp tỉnh.</p> <p>1.2. Điều kiện nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES vì mục đích thương mại:</p> <p>a) Đối với động vật:</p> <p>- Đảm bảo nguồn giống hợp pháp: Khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tích thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi hợp pháp khác;</p> <p>- Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi; bảo</p>

Stt	Tên/Mã TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Yêu cầu, điều kiện thực hiện (nếu có); Căn cứ pháp lý
			<p>nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p><b>Bước 3.</b> Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý BVR&amp;BTTN) tiến hành cấp mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thực vật rừng, động vật rừng Nhóm II và các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục II, III CITES không phải loài thủy sản.</p> <p>Thời gian giải quyết: 4 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, cơ quan cấp mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 24 ngày làm việc.</p> <p>Trong vòng 01 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết TTHC) kể từ ngày cấp mã số cơ sở nuôi, trồng, cơ quan cấp mã số gửi thông tin về Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam để đăng tải mã số đã cấp lên cổng thông tin điện tử của cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam.</p> <p><b>Bước 4.</b> Sau khi nhận được kết quả từ Chi cục Kiểm lâm, Trung tâm Phục vụ Hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.</li> <li>- Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả).</li> </ul> <p><b>2. Thời hạn giải quyết:</b> 05 ngày làm việc.</p>		<p>đảm các điều kiện an toàn cho người và vật nuôi, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loài động vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở phải được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản về việc nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên;</li> <li>- Có phương án nuôi theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ; Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.</li> </ul> <p>b) Đối với thực vật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo nguồn giống hợp pháp; Khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở trồng hợp pháp khác;</li> <li>- Cơ sở trồng phù hợp với đặc tính của loài;</li> <li>- Có phương án trồng theo Mẫu số 05, Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-</li> </ul>

Stt	Tên/Mã TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Yêu cầu, điều kiện thực hiện (nếu có); Căn cứ pháp lý
			<p>(Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, cơ quan cấp mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 24 ngày làm việc). Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- TTHC: 0,5 ngày làm việc</li> <li>- Chi cục Kiểm lâm: 4,5 ngày làm việc</li> </ul> <p><b>3. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> Chi cục Kiểm lâm.</p>		<p>CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.</p> <p>c) Trong quá trình nuôi, trồng phải lập sổ theo dõi nuôi, trồng theo Mẫu số 16, Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ; định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản, về lâm nghiệp, về môi trường cấp tỉnh.</p> <p><b>2. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;</li> <li>- Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.</li> </ul>



**Phụ lục 03:**

**Quy trình nội bộ thủ tục hành chính cấp tỉnh mới ban hành; được thay thế; sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp thực hiện tại một cửa điện tử**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**1. Phân loại doanh nghiệp chế biến gỗ và xuất khẩu**

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 (ngày làm việc) x 08 giờ = 40 giờ (Chưa tính thời gian xác minh và công bố kết quả phân loại doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử [www.kiemlam.org.vn](http://www.kiemlam.org.vn)).

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	Trung tâm HCC	CC, VC	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Phục vụ Hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến.</li> <li>2. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).</li> <li>3. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu).</li> <li>4. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu).</li> <li>5. Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Thanh tra, pháp chế).</li> </ol>	4			
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo phòng Thanh tra, pháp chế	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	1			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)	
B3	TTHC	Chuyên viên phòng Thanh tra, pháp chế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thành phần hồ sơ</li> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông.</li> <li>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</li> </ul>	3				
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhập thông tin vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp; thông báo đến doanh nghiệp kết quả tiếp nhận đăng ký phân loại doanh nghiệp</li> <li>- Tham mưu Chi cục Kiểm lâm xếp loại doanh nghiệp đó vào doanh nghiệp Nhóm I trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp (nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định)</li> </ul>	27				
			Lãnh đạo phòng Thanh tra, pháp chế	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Chi cục	1			
			Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét ký xếp loại doanh nghiệp đó vào doanh nghiệp Nhóm I trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp	2			
		Văn thư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng dấu</li> <li>- Chuyển kết quả về TTHC</li> </ul>	2				
		CC, VC	Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân					

## 2. Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 17 (ngày làm việc) x 08 giờ = 136 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	Trung tâm HCC	CC, VC	<ol style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Phục vụ Hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến.</li> <li>Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).</li> <li>Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu).</li> <li>Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu).</li> <li>Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và Phát triển rừng).</li> </ol>	4			
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo phòng Sử dụng và Phát triển rừng Chuyên viên phòng Sử dụng và Phát triển rừng	<p>Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra thành phần hồ sơ</li> <li>Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo.</li> <li>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông.</li> <li>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</li> </ul>	4			
				12			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
		Lãnh đạo phòng Sứ dụng và Phát triển rừng	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Chi cục	4			
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét ký quyết định công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	12			
		Văn thư	- Dóng dấu - Chuyển kết quả về TTHC	4			
B3	TTHC	CC, VC	Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân				

**3. Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm (trường hợp không cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng)**

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 (ngày làm việc) x 08 giờ = 40 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	Trung tâm HCC	CC, VC	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Phục vụ Hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến.</li> <li>2. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).</li> <li>3. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu).</li> <li>4. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu).</li> <li>5. Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và BTTN).</li> </ol>	4			
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo phòng Quản lý, bảo vệ rừng và BTTN Chuyên viên phòng Quản lý, bảo vệ rừng và BTTN	<p>Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thành phần hồ sơ</li> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông.</li> <li>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</li> </ul>	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B3	TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý, bảo vệ rừng và BTTN	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Chi cục	2			
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét ký quyết định công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	4			
		Văn thư	- Đóng dấu - Chuyển kết quả về TTHC	2			
		CC, VC	Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân				